

Số: 760/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấm thi kết thúc học phần (kỳ thi chính) Học kỳ II năm học 2014-2015
Bậc đào tạo: Cao đẳng – Khóa 2013

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 1806/TB-LTT-ĐT ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc tính điểm học phần bậc đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo - Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấm thi kết thúc học phần (kỳ thi chính) Học kỳ II năm học 2014-2015 của sinh viên cao đẳng – Khóa 2013 gồm: 113 sinh viên (danh sách đính kèm).

Điều 2. Các sinh viên bị cấm thi kết thúc học phần nào thì phải nhận điểm “0” của học phần đó để tính điểm học phần và phải đăng ký học lại để trả nợ học phần.

Điều 3. Các Phòng, Khoa và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *ves*

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu: VT,ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Dinh Văn Dê

DANH SÁCH SINH VIÊN CẤM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KỲ THI CHÍNH)
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2014 - 2015
Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG - KHÓA 2013

(Kèm theo Quyết định số: 760 /QĐ-LTT-ĐT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
1	Nguyễn Quốc Cường	13CĐ-ĐT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Đo lường cảm biến	24 / 30	80.00%	
			PP Nghiên cứu khoa học	16 / 30	53.33%	
2	Bùi Thanh Diễm	13CĐ-ĐT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
3	Trần Văn Hạnh	13CĐ-ĐT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			PP Nghiên cứu khoa học	22 / 30	73.33%	
4	Nguyễn Thái Huy	13CĐ-ĐT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			PP Nghiên cứu khoa học	16 / 30	53.33%	
			Đo lường cảm biến	18 / 30	60.00%	
5	Phạm Hữu Phước	13CĐ-ĐT1	Anh văn chuyên ngành	12 / 30	40.00%	
6	Trịnh Ngọc Phước	13CĐ-ĐT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
7	Trương Thái Quốc	13CĐ-ĐT1	Anh văn chuyên ngành	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Đo lường cảm biến	20 / 30	66.67%	
			PP Nghiên cứu khoa học	12 / 30	40.00%	
8	Đặng Kỳ Sơn	13CĐ-ĐT1	Anh văn chuyên ngành	10 / 30	33.33%	
			Đo lường cảm biến	14 / 30	46.67%	
			PP Nghiên cứu khoa học	12 / 30	40.00%	
9	Phan Chí Tài	13CĐ-ĐT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	12 / 30	40.00%	
10	Bạch Ngọc Thành	13CĐ-ĐT1	Anh văn chuyên ngành	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	12 / 30	40.00%	
			Đo lường cảm biến	22 / 30	73.33%	
			PP Nghiên cứu khoa học	16 / 30	53.33%	
11	Nguyễn Minh Trí	13CĐ-ĐT1	Anh văn chuyên ngành	14 / 30	46.67%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	14 / 30	46.67%	
			Đo lường cảm biến	16 / 30	53.33%	
			PP Nghiên cứu khoa học	14 / 30	46.67%	
12	Trần Quang Trung	13CĐ-ĐT1	Anh văn chuyên ngành	30 / 30	100.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	28 / 30	93.33%	
			Đo lường cảm biến	26 / 30	86.67%	
			PP Nghiên cứu khoa học	22 / 30	73.33%	

TH
TR
CÁC
KỲ
LÝ T
IP.H
10

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
13	Trần Ngọc Tuấn	13CĐ-ĐT1	Anh văn chuyên ngành	12 / 30	40.00%	/
14	Lâm Hoài Vĩ	13CĐ-ĐT1	Anh văn chuyên ngành	30 / 30	100.00%	/
			Đo lường cảm biến	28 / 30	93.33%	/
			PP Nghiên cứu khoa học	22 / 30	73.33%	/
15	Lê Sĩ Dũng	13CĐ-ĐT2	Đo lường cảm biến	10 / 30	33.33%	/
16	Nguyễn Văn Dũng	13CĐ-ĐT2	Anh văn chuyên ngành	30 / 30	100.00%	/
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	24 / 30	80.00%	/
			Đo lường cảm biến	28 / 30	93.33%	/
			Kỹ thuật Audio và Video	22 / 30	73.33%	/
			PP Nghiên cứu khoa học	28 / 30	93.33%	/
			Vi xử lý	22 / 30	73.33%	/
17	Võ Trần Vũ Phong	13CĐ-ĐT2	Anh văn chuyên ngành	10 / 30	33.33%	/
18	Trịnh Hoàng Phúc	13CĐ-ĐT2	Anh văn chuyên ngành	30 / 30	100.00%	/
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	20 / 30	66.67%	/
			Kỹ thuật Audio và Video	22 / 30	73.33%	/
			PP Nghiên cứu khoa học	30 / 30	100.00%	/
			Vi xử lý	22 / 30	73.33%	/
19	Nguyễn Chí Tài	13CĐ-ĐT2	PP Nghiên cứu khoa học	20 / 30	66.67%	/
20	Nguyễn Xuân Tuấn	13CĐ-ĐT2	Anh văn chuyên ngành	30 / 30	100.00%	/
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	/
			Kỹ thuật Audio và Video	22 / 30	73.33%	/
			PP Nghiên cứu khoa học	30 / 30	100.00%	/
			Vi xử lý	22 / 30	73.33%	/
21	Đặng Thế Vĩ	13CĐ-ĐT2	Anh văn chuyên ngành	14 / 30	46.67%	/
			PP Nghiên cứu khoa học	19 / 30	63.33%	/
22	Huỳnh Ngọc Vĩ	13CĐ-ĐT2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22 / 30	73.33%	/
			Đo lường cảm biến	24 / 30	80.00%	/
			Kỹ thuật Audio và Video	22 / 30	73.33%	/
			PP Nghiên cứu khoa học	30 / 30	100.00%	/
			Vi xử lý	22 / 30	73.33%	/
23	Phạm Công Chính	13CĐ-ĐT1	Anh văn chuyên ngành	16 / 30	53.33%	/
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	12 / 30	40.00%	/
24	Nguyễn Quang Huân	13CĐ-ĐT1	Anh văn chuyên ngành	12 / 30	40.00%	/
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	10 / 30	33.33%	/
			PP Nghiên cứu khoa học	18 / 30	60.00%	/
			Kỹ thuật Audio và Video	12 / 30	40.00%	/
			Đo lường cảm biến	14 / 30	46.67%	/
			Vi xử lý	20 / 30	66.67%	/
25	Mai Đình Luyện	13CĐ-ĐT1	PP Nghiên cứu khoa học	12 / 30	40.00%	/

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
26	Huỳnh Thanh Phú	13CĐ-Đ1	Anh văn chuyên ngành	20 / 30	66.67%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	18 / 30	60.00%	
			PP Nghiên cứu khoa học	22 / 30	73.33%	
			Kỹ thuật Audio và Video	14 / 30	46.67%	
			Đo lường cảm biến	22 / 30	73.33%	
			Vi xử lý	22 / 30	73.33%	
27	Nguyễn Văn Tư	13CĐ-Đ1	Anh văn chuyên ngành	10 / 30	33.33%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	12 / 30	40.00%	
			PP Nghiên cứu khoa học	18 / 30	60.00%	
			Kỹ thuật Audio và Video	12 / 30	40.00%	
			Đo lường cảm biến	14 / 30	46.67%	
			Vi xử lý	18 / 30	60.00%	
28	Bùi Thanh Đạo	13CĐ-Đ2	Anh văn chuyên ngành	22 / 30	73.33%	Học lại
29	Đào Tuấn Huy	13CĐ-Đ2	Anh văn chuyên ngành	22 / 30	73.33%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	24 / 30	80.00%	
			Kỹ thuật Audio và Video	22 / 30	73.33%	
			PP Nghiên cứu khoa học	24 / 30	80.00%	
			Vi xử lý	24 / 30	80.00%	
30	Trần Văn Linh	13CĐ-Đ2	Vi xử lý	18 / 30	60.00%	
31	Nguyễn Hữu Nghĩa	13CĐ-Đ2	PP Nghiên cứu khoa học	10 / 30	33.33%	
32	Diệp Hoàng Phong	13CĐ-Đ2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	12 / 30	40.00%	
			PP Nghiên cứu khoa học	10 / 30	33.33%	
33	Trần Lê Đức Phú	13CĐ-Đ2	Anh văn chuyên ngành	12 / 30	40.00%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	18 / 30	60.00%	
			Đo lường cảm biến	16 / 30	53.33%	
			PP Nghiên cứu khoa học	18 / 30	60.00%	
34	Trần Minh Quang	13CĐ-Đ2	Anh văn chuyên ngành	20 / 30	66.67%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	20 / 30	66.67%	
			Đo lường cảm biến	16 / 30	53.33%	
			Vi xử lý	22 / 30	73.33%	
35	Vũ Văn Tâm	13CĐ-Đ2	Anh văn chuyên ngành	22 / 30	73.33%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	26 / 30	86.67%	
			Kỹ thuật Audio và Video	18 / 30	60.00%	
			PP Nghiên cứu khoa học	28 / 30	93.33%	
			Vi xử lý	20 / 30	66.67%	
36	Nguyễn Văn Duy	13CĐ-Đ3	Anh văn chuyên ngành	14 / 30	46.67%	
			Kỹ thuật Audio và Video	10 / 30	33.33%	
			TT Kỹ thuật số	20 / 60	33.33%	
			Đo lường cảm biến	14 / 30	46.67%	
			PP Nghiên cứu khoa học	22 / 30	73.33%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
37	Phạm Huy <i>Hoàng</i>	13CD-Đ3	Anh văn chuyên ngành	22 / 30	73.33%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	30 / 30	100.00%	
			Kỹ thuật Audio và Video	26 / 30	86.67%	
			Đo lường cảm biến	28 / 30	93.33%	
			PP Nghiên cứu khoa học	28 / 30	93.33%	
38	Phan Văn <i>Huấn</i>	13CD-Đ3	Đo lường cảm biến	10 / 30	33.33%	
39	Phạm <i>Kính</i>	13CD-Đ3	TT Kỹ thuật số	36 / 60	60.00%	
40	Đoàn Viết Cao <i>Sơn</i>	13CD-Đ3	Anh văn chuyên ngành	14 / 30	46.67%	
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	24 / 30	80.00%	
			Kỹ thuật Audio và Video	20 / 30	66.67%	
			Đo lường cảm biến	16 / 30	53.33%	
			PP Nghiên cứu khoa học	22 / 30	73.33%	
41	Hoàng Minh <i>Thuận</i>	13CD-Đ3	Đo lường cảm biến	10 / 30	33.33%	
			PP Nghiên cứu khoa học	10 / 30	33.33%	
42	Huỳnh Minh <i>Trung</i>	13CD-Đ3	Anh văn chuyên ngành	10 / 30	33.33%	
			Kỹ thuật Audio và Video	10 / 30	33.33%	
			Đo lường cảm biến	10 / 30	33.33%	
			PP Nghiên cứu khoa học	10 / 30	33.33%	
43	Trương Hoàng <i>Tuấn</i>	13CD-Đ3	Đo lường cảm biến	10 / 30	33.33%	
44	Nguyễn Văn <i>Dương</i>	13CD-NL1	Đường lối CM của ĐCSVN	18 / 45	40.00%	
45	Nguyễn Thanh <i>Tâm</i>	13CD-NL1	Đường lối CM của ĐCSVN	18 / 45	40.00%	
46	Huỳnh Thanh <i>Vinh</i>	13CD-NL1	Đường lối CM của ĐCSVN	15 / 45	33.33%	
47	Phạm Văn <i>Dự</i>	13CD-CK1	KT Điện-Điện tử và TBĐTM CN	18 / 45	40.00%	
			PP Nghiên cứu khoa học	12 / 30	40.00%	
			Công nghệ chế tạo máy 1	20 / 60	33.33%	
48	Nguyễn Đăng <i>Định</i>	13CD-CK2	Đường lối CM của ĐCSVN	36 / 45	80.00%	
			KT Điện-Điện tử và TBĐTM CN	45 / 45	100.00%	
			PP Nghiên cứu khoa học	28 / 30	93.33%	
			Công nghệ chế tạo máy 1	60 / 60	100.00%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy	60 / 60	100.00%	
49	Đỗ Thanh <i>Hùng</i>	13CD-CK2	Đường lối CM của ĐCSVN	36 / 45	80.00%	
			KT Điện-Điện tử và TBĐTM CN	45 / 45	100.00%	
			PP Nghiên cứu khoa học	28 / 30	93.33%	
			Công nghệ chế tạo máy 1	60 / 60	100.00%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy	60 / 60	100.00%	
50	Nguyễn Tấn <i>Lộc</i>	13CD-CK2	KT Điện-Điện tử và TBĐTM CN	36 / 45	80.00%	
51	Võ Văn <i>Minh</i>	13CD-CK2	KT Điện-Điện tử và TBĐTM CN	22 / 45	48.89%	
52	Võ Hoàng <i>Nam</i>	13CD-CK2	KT Điện-Điện tử và TBĐTM CN	18 / 45	40.00%	
			Công nghệ chế tạo máy 1	28 / 60	46.67%	
53	Dương Thiện <i>Quý</i>	13CD-CK2	KT Điện-Điện tử và TBĐTM CN	15 / 45	33.33%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
54	Mai Trọng <i>Thăng</i>	13CD-CK2	KT Điện-Điện tử và TBĐTCN	14 / 45	31.11%	
			PP Nghiên cứu khoa học	10 / 30	33.33%	
55	Phạm Công <i>Thịnh</i>	13CD-CK2	KT Điện-Điện tử và TBĐTCN	15 / 45	33.33%	
56	Lê Nhật <i>Trường</i>	13CD-CK2	KT Điện-Điện tử và TBĐTCN	15 / 45	33.33%	
57	Bùi Huy <i>Tuấn</i>	13CD-CK2	PP Nghiên cứu khoa học	19 / 30	63.33%	
58	Nguyễn Văn <i>Hoàng</i>	13CD-CK3	Công nghệ chế tạo máy 1	22 / 60	36.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy	36 / 60	60.00%	
59	Lê Thế <i>Hùng</i>	13CD-CK3	PP Nghiên cứu khoa học	14 / 30	46.67%	
			Công nghệ chế tạo máy 1	21 / 60	35.00%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy	19 / 60	31.67%	
60	Nguyễn Văn <i>Ngoan</i>	13CD-CK3	Nguyên lý - Chi tiết máy	52 / 60	86.67%	Học lại
61	Phan Hữu <i>Nguyên</i>	13CD-CK3	Công nghệ chế tạo máy 1	20 / 60	33.33%	
62	Đỗ Hoàng <i>Quy</i>	13CD-CK3	Công nghệ chế tạo máy 1	33 / 60	55.00%	
63	Nguyễn Phước <i>Việt</i>	13CD-CK3	KT Điện-Điện tử và TBĐTCN	16 / 45	35.56%	
64	Lê Tiến <i>Hải</i>	13CD-CK4	Công nghệ chế tạo máy 1	20 / 60	33.33%	
65	Phan Đình <i>Hoàng</i>	13CD-CK4	Công nghệ chế tạo máy 1	29 / 60	48.33%	
66	Nguyễn Đình <i>Lữ</i>	13CD-CK4	KT Điện-Điện tử và TBĐTCN	15 / 45	33.33%	
67	Đặng Xuân <i>Phong</i>	13CD-CK4	Công nghệ chế tạo máy 1	49 / 60	81.67%	
			PP Nghiên cứu khoa học	20 / 30	66.67%	
68	Lương Quốc <i>Thái</i>	13CD-CK4	KT Điện-Điện tử và TBĐTCN	18 / 45	40.00%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy	22 / 60	36.67%	
69	Lê Minh <i>Tiến</i>	13CD-CK4	Công nghệ chế tạo máy 1	21 / 60	35.00%	
70	Trần <i>Quân</i>	13CD-CK5	KT Điện-Điện tử và TBĐTCN	14 / 45	31.11%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy	20 / 60	33.33%	
71	Nguyễn Trí <i>Thông</i>	13CD-CK5	PP Nghiên cứu khoa học	11 / 30	36.67%	
72	Nguyễn Tự Trường <i>Thuật</i>	13CD-CK5	Nguyên lý - Chi tiết máy	24 / 60	40.00%	
73	Nguyễn Tấn <i>Tiếp</i>	13CD-CK5	KT Điện-Điện tử và TBĐTCN	17 / 45	37.78%	
74	Trần Lê Bảo <i>Toàn</i>	13CD-CK5	PP Nghiên cứu khoa học	16 / 30	53.33%	
			Công nghệ chế tạo máy 1	36 / 60	60.00%	
			KT Điện-Điện tử và TBĐTCN	16 / 45	35.56%	
75	Tạ Phương <i>Tuấn</i>	13CD-CK5	Đường lối CM của ĐCSVN	36 / 45	80.00%	
			KT Điện-Điện tử và TBĐTCN	31 / 45	68.89%	
			PP Nghiên cứu khoa học	14 / 30	46.67%	
			Công nghệ chế tạo máy 1	52 / 60	86.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy	24 / 60	40.00%	
76	Hồ Quang <i>Vinh</i>	13CD-CK5	Công nghệ chế tạo máy 1	28 / 60	46.67%	
77	Lê Thanh <i>Hải</i>	13CD-Ô1	Nguyên lý chi tiết máy	45 / 45	100.00%	
			Thủy lực và máy thủy lực	16 / 30	53.33%	
			Autocad (2D)	22 / 30	73.33%	
			Hệ thống điện và điện tử ô tô	30 / 45	66.67%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
78	Nguyễn Đức	13CD-Ô1	Nguyên lý chi tiết máy	45 / 45	100.00%	
			Thủy lực và máy thủy lực	22 / 30	73.33%	
			Autocad (2D)	26 / 30	86.67%	
			PP Nghiên cứu khoa học	22 / 30	73.33%	
			Hệ thống điện và điện tử ô tô	39 / 45	86.67%	
79	Vòng Văn	13CD-Ô1	Nguyên lý chi tiết máy	45 / 45	100.00%	
			PP Nghiên cứu khoa học	30 / 30	100.00%	
80	Trần Kim	13CD-Ô1	Nguyên lý chi tiết máy	18 / 45	40.00%	
			Autocad (2D)	18 / 30	60.00%	
			Hệ thống điện và điện tử ô tô	24 / 45	53.33%	
81	Nguyễn Tiến	13CD-Ô2	Thủy lực và máy thủy lực	20 / 30	66.67%	
			Hệ thống điện và điện tử ô tô	45 / 45	100.00%	
82	Lê Ngọc	13CD-Ô2	Autocad (2D)	12 / 30	40.00%	
83	Trịnh Tấn	13CD-Ô2	Nguyên lý chi tiết máy	24 / 45	53.33%	
			Autocad (2D)	12 / 30	40.00%	
			Thủy lực và máy thủy lực	14 / 30	46.67%	
84	Nguyễn Đức	13CD-Ô2	Thủy lực và máy thủy lực	18 / 30	60.00%	
			Hệ thống điện và điện tử ô tô	45 / 45	100.00%	
85	Trần Quốc	13CD-Ô3	Autocad (2D)	10 / 30	33.33%	
86	Võ Văn	13CD-Ô3	Thủy lực và máy thủy lực	10 / 30	33.33%	
			Autocad (2D)	16 / 30	53.33%	
87	Nguyễn Mậu	13CD-Ô3	Thủy lực và máy thủy lực	10 / 30	33.33%	
			Autocad (2D)	10 / 30	33.33%	
88	Đỗ Quốc	13CD-Ô4	Nguyên lý chi tiết máy	30 / 45	66.67%	
			Autocad (2D)	16 / 30	53.33%	
			Thủy lực và máy thủy lực	14 / 30	46.67%	
89	Đinh Văn	13CD-Ô4	Nguyên lý chi tiết máy	24 / 45	53.33%	
			Autocad (2D)	14 / 30	46.67%	
			Thủy lực và máy thủy lực	10 / 30	33.33%	
90	Hoàng Văn	13CD-Ô4	Autocad (2D)	20 / 30	66.67%	
91	Huỳnh Văn	13CD-Ô4	Nguyên lý chi tiết máy	24 / 45	53.33%	
92	Nguyễn Thanh	13CD-Ô4	Đường lối CM của ĐCSVN	27 / 45	60.00%	
			Nguyên lý chi tiết máy	30 / 45	66.67%	
			Thủy lực và máy thủy lực	18 / 30	60.00%	
			PP Nghiên cứu khoa học	22 / 30	73.33%	
93	Nguyễn Hữu	13CD-Ô4	Đường lối CM của ĐCSVN	18 / 45	40.00%	
			Nguyên lý chi tiết máy	30 / 45	66.67%	
			Autocad (2D)	22 / 30	73.33%	
			Thủy lực và máy thủy lực	20 / 30	66.67%	
			PP Nghiên cứu khoa học	12 / 30	40.00%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
94	Võ Thành Nhật	13CD-Ô4	Nguyên lý chi tiết máy	18 / 45	40.00%	
			Thủy lực và máy thủy lực	10 / 30	33.33%	
95	Nguyễn Vũ Tiến Phương	13CD-Ô4	Nguyên lý chi tiết máy	21 / 45	46.67%	
			Autocad (2D)	22 / 30	73.33%	
96	Đinh Xuân Trọng	13CD-Ô4	Nguyên lý chi tiết máy	24 / 45	53.33%	
97	Nguyễn Linh Tuấn	13CD-Ô4	Nguyên lý chi tiết máy	27 / 45	60.00%	
98	Huỳnh Bảo Hiếu	13CD-TM1	Đường lối CM của ĐCSVN	27 / 45	60.00%	
99	Hoàng Ngọc Linh	13CD-TM1	Đường lối CM của ĐCSVN	21 / 45	46.67%	
100	Bùi Thành Nam	13CD-TM1	Đường lối CM của ĐCSVN	21 / 45	46.67%	
101	Phạm Trần Văn Nam	13CD-TM1	Lập trình Windows	70 / 75	93.33%	Học lại
102	Mai Lê Thanh Vân	13CD-TM1	Đường lối CM của ĐCSVN	18 / 45	40.00%	
103	Hồ Hoàn Kiếm	13CD-TM2	Đường lối CM của ĐCSVN	30 / 45	66.67%	
104	Phan Thanh Nghĩa	13CD-TM2	Đường lối CM của ĐCSVN	39 / 45	86.67%	
			Lập trình Windows	50 / 75	66.67%	
105	By Ứn	13CD-TM2	Đường lối CM của ĐCSVN	39 / 45	86.67%	
			Lập trình Windows	45 / 75	60.00%	
106	Lê Anh Duy	13CD-TP1	Đường lối CM của ĐCSVN	36 / 45	80.00%	
			Lập trình Windows	50 / 75	66.67%	
107	Trần Văn Duy Khánh	13CD-TP1	Đường lối CM của ĐCSVN	36 / 45	80.00%	
108	Viên Phan Anh Khương	13CD-TP1	Lập trình Windows	50 / 75	66.67%	
109	Phạm Tuấn Mỹ	13CD-TP1	Lập trình Windows	55 / 75	73.33%	
110	Nguyễn Duy Phương	13CD-TP1	Lập trình Windows	65 / 75	86.67%	
111	Hồ Quốc Tiến	13CD-TP1	Lập trình Windows	60 / 75	80.00%	
112	Nguyễn Kim Thương	13CD-TP2	Lập trình Windows	50 / 75	66.67%	
113	Nguyễn Văn Tín	13CD-TP2	Lập trình Windows	50 / 75	66.67%	

Tổng cộng danh sách có 113 sinh viên.